CTCP VINACONEX 21 (HNX: V21)

FireAnt

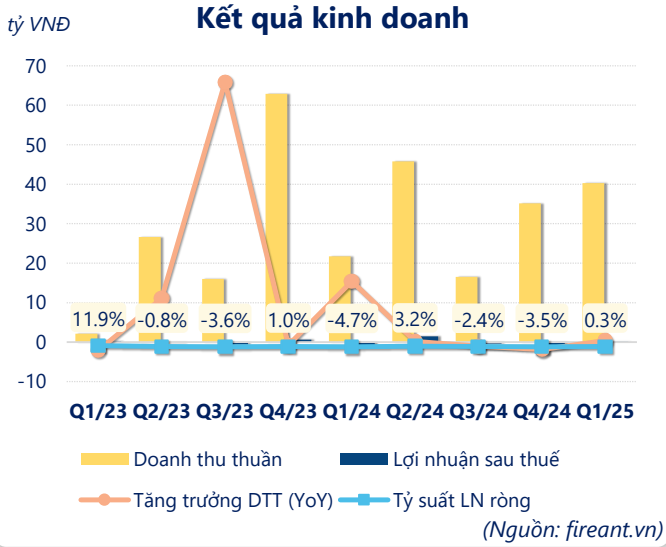
Ngày 31/03/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**0%**	**16.7%**

ROE (2024): **-1.0%** | +/- YoY ▼ 1.0%

	Q1/25	QoQ	YoY
DT thuần	**40.3** tỷ VNĐ	▲ 5.10 ▲ 14.5%	▲ 18.6 ▲ 85.7%
LN gộp	**4.16** tỷ VNĐ	▲ 1.01 ▲ 31.9%	▲ 1.95 ▲ 88.0%
LN thuần	**0.14** tỷ VNĐ	▲ 1.39 ▲ 111%	▲ 1.12 ▲ 114%
LN sau thuế	**0.12** tỷ VNĐ	▲ 1.36 ▲ 110%	▲ 1.14 ▲ 112%

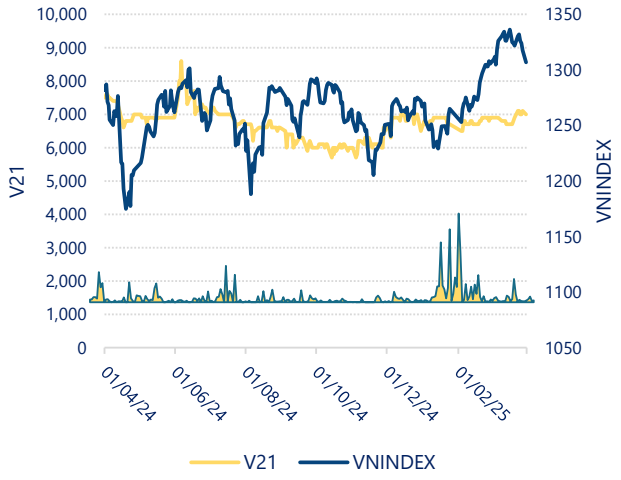
	2024	YoY
DT thuần	**119** tỷ VNĐ	▲ 11.0 ▲ 10.8%
LN gộp	**11.9** tỷ VNĐ	▲ 0.70 ▲ 6.6%
LN thuần	**-2.23** tỷ VNĐ	▼ 2.55 ▼ 793%
LN sau thuế	**-1.18** tỷ VNĐ	▼ 1.24 ▼ 2093%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

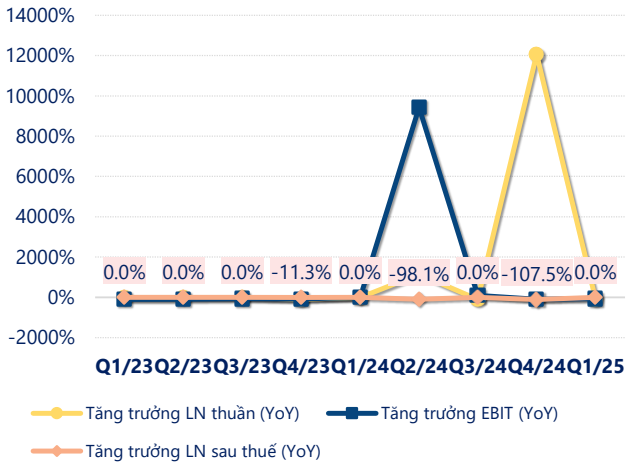
Lịch sử giá



CTCP VINACONEX 21 (HNX: V21)

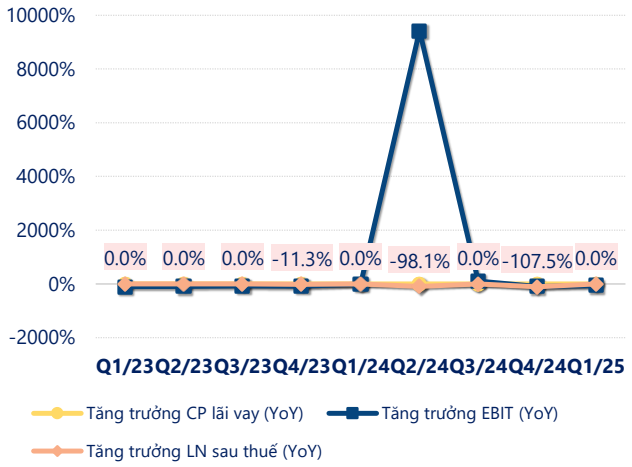
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



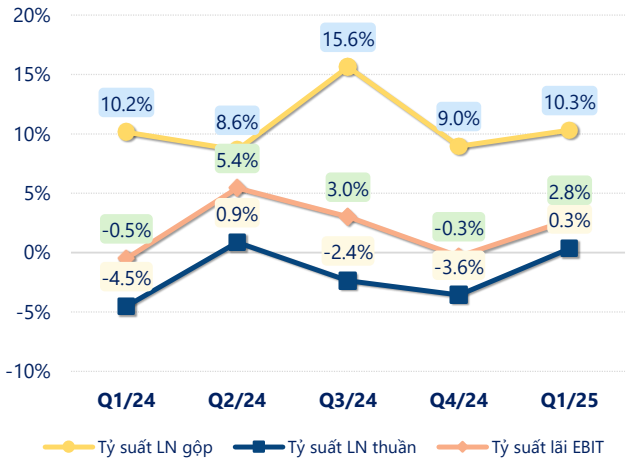
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



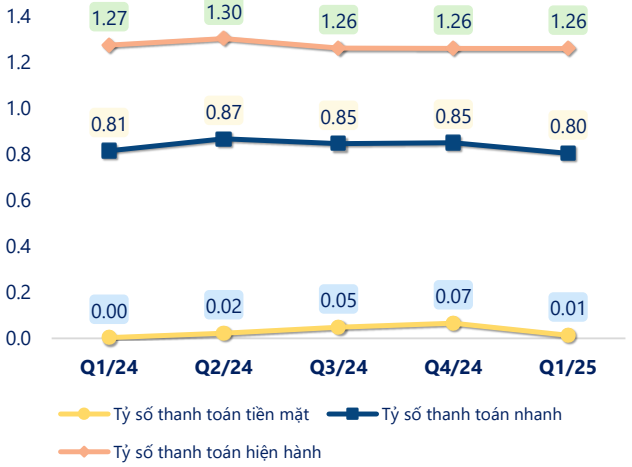
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



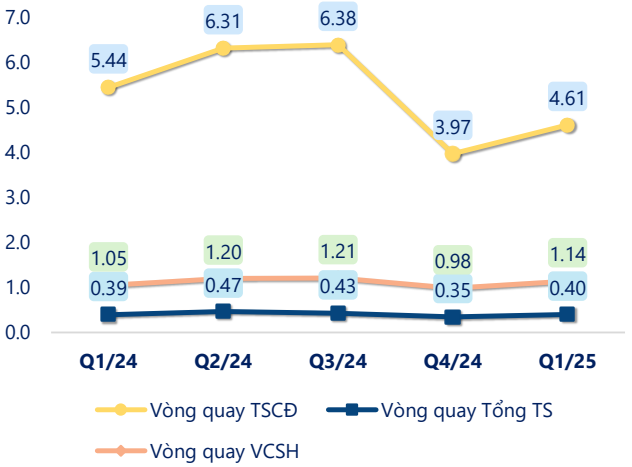
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



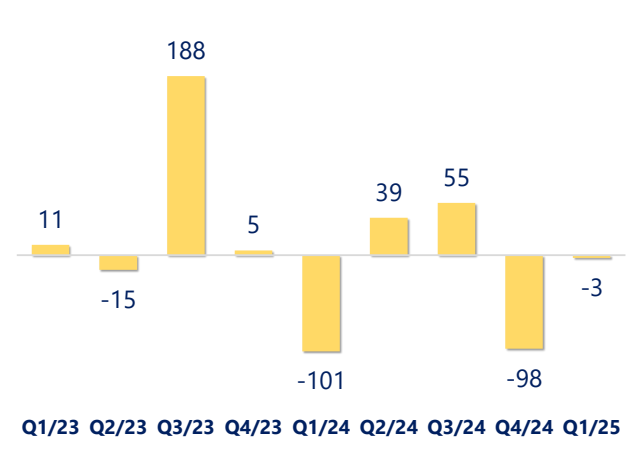
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

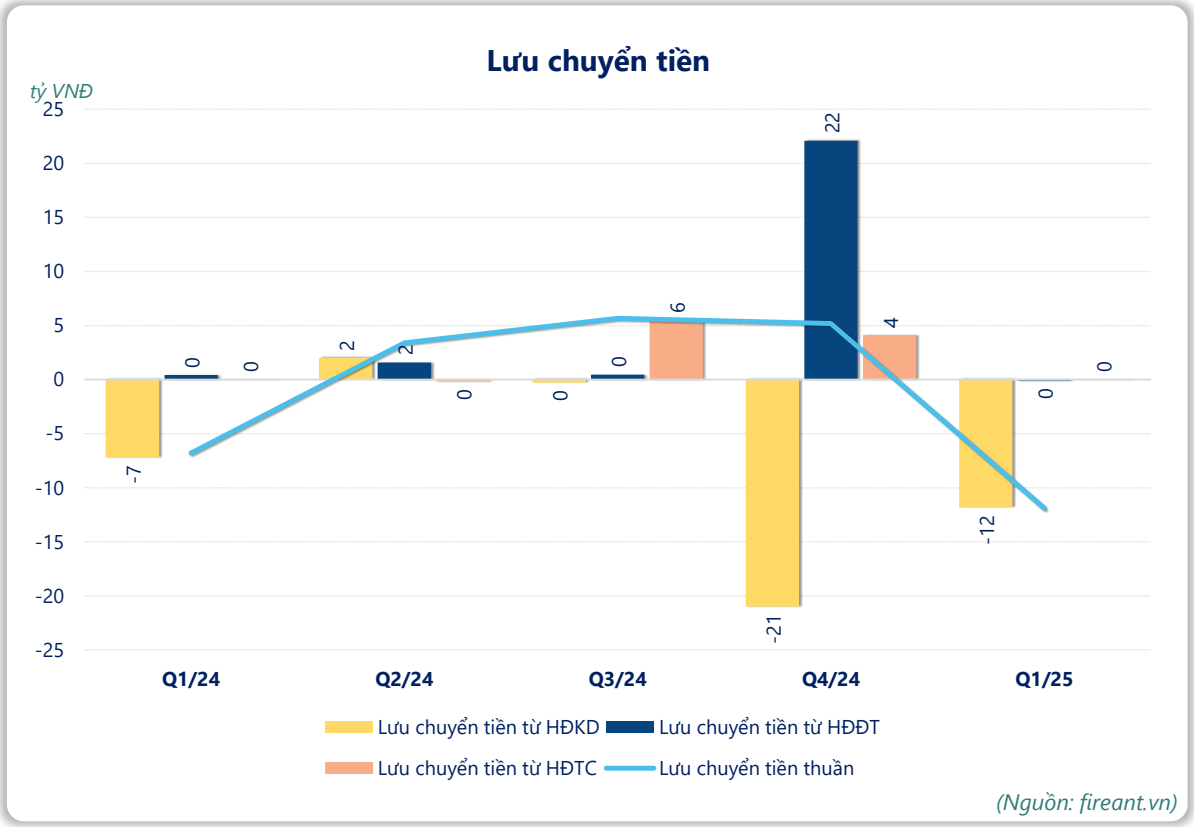


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP VINACONEX 21 (HNX: V21)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**40.3**	**21.7**	**85.7%**	**119**	**108**	**10.8%**
Giá vốn hàng bán	36.2	19.5	85.4%	107	96.4	11.3%
Lợi nhuận gộp	4.16	2.21	88.0%	11.9	11.2	6.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.45	-99.0%	1.68	1.80	-6.6%
Chi phí TC	0.99	0.91	8.6%	3.94	3.17	24.4%
Chi phí lãi vay	0.99	0.91	8.6%	3.94	3.17	24.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.03**	**2.73**	**11.2%**	**11.9**	**9.48**	**25.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.14	-0.98	114%	-2.23	0.32	-793%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.04**	**68.4%**	**1.05**	**0.08**	**1204%**
LN trước thuế	0.12	-1.02	112%	-1.18	0.40	-393%
Lợi nhuận sau thuế	**0.12**	**-1.02**	**112%**	**-1.18**	**0.06**	**-2093%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.12**	**-1.02**	**112%**	**-1.18**	**0.06**	**-2093%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)